



## MỘT GÓC NHÌN VỀ TÍNH CÁCH CỦA PHAN THANH GIẢN QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA ÔNG

Nguyễn Đông Triều\*

Khoa Văn học - Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG TP HCM

Ngày nhận bài: 08-10-2017; ngày nhận bài sửa: 05-11-2017; ngày duyệt đăng: 30-11-2017

### TÓM TẮT

Phan Thanh Giản là tác gia lớn, đại thần triều Nguyễn, trải thờ ba đời vua Thiệu Trị, Minh Mạng, Tự Đức. Trong thơ văn cũng như trong cuộc sống đời thường, ông luôn thể hiện là một người con chí hiếu, một người bằng hữu chân thành, một người học trò hết mực tôn kính ân sư, một vị “dân chi phụ mẫu” hết lòng thương yêu dân chúng. Bài viết này nêu lên một góc nhìn về những đức tính ấy của Phan Thanh Giản qua một số tác phẩm của ông chép trong các tuyển tập Hán Nôm như *Lương Khê thi thảo*, *Uớc Phu tiên sinh thi tập*...

**Từ khóa:** Phan Thanh Giản, tính cách, thơ văn Hán Nôm, chí hiếu, nhân ái.

### ABSTRACT

*The personality of Phan Thanh Gian viewed from some of his works*

Phan Thanh Gian is a great writer, also a senior official of the Nguyen Dynasty, covering three reigns of King Thieu Tri, King Minh Mang and King Tu Duc. In poetry as well as in everyday life, he always showed himself to be a dutiful son, a sincere friend, an extremely devoted student, a dedicated official loving the people with all his heart. This article gives a perspective on those characteristics of Phan Thanh Gian through some of his writings in Sino-Vietnamese collections such as “*Luong Khe thi thao*”, “*Uoc Phu tien sinh thi tap*”...

**Keywords:** Phan Thanh Gian, personality, Sino-Vietnamese literature, dutiful, humane.

### 1. Giới thiệu

Trong lịch sử, hiếm có vị đại thần nào vừa được người đương thời và đời sau ca ngợi lại vừa bị chỉ trích gay gắt như Phan Thanh Giản (1796-1867). Trước nay đã có rất nhiều ý kiến đánh giá về Phan Thanh Giản. Có những đánh giá căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử, thơ văn, tài liệu ghi chép của Pháp, và cũng có cả những nhận định theo quan điểm chủ quan. Nhìn chung, những ý kiến được đưa ra dù không hoàn toàn giống nhau, thậm chí có khi trái ngược, nhưng ít nhiều đều có lí; từ đó cũng cho thấy mức độ phức tạp khi nhìn nhận, đánh giá về vị đại thần này.

Trong bài viết này, chúng tôi ủng hộ quan điểm đánh giá Phan Thanh Giản căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử khách quan, nhưng không có ý định tiếp tục nối dài thêm các ý kiến ngợi ca hay chỉ trích, mà chỉ nhìn nhận về tính cách của Phan Thanh Giản trong cuộc sống

\* Email: dongtrieunguyen1976@yahoo.com

đời thường qua một số tác phẩm của ông, nhân đó giới thiệu đến độc giả bản dịch những tác phẩm này.

## 2. Tính cách của Phan Thanh Giản qua một số tác phẩm của ông

### 2.1. Hiếu thảo đối với cha mẹ

Phan Thanh Giản là một người con chí hiếu. Mẹ mất khi ông mới 7 tuổi. Một năm sau cha tục huyền, ông sống với cha và mẹ kế. Từ nhỏ đến lớn, ông một mực hiếu thảo với cha mẹ.

Sử sách có chép, năm 1815, Phan Thanh Giản 20 tuổi, cha ông lúc ấy làm Thủ hạp tại Vĩnh Long, bị vu cáo và bị cách chức, phạt tù một năm. Phan Thanh Giản thân hành lên tỉnh xin chịu tội thay cha nhưng không được, hằng ngày ông vào khám thăm cha, làm thay những việc cực nhọc mà cha phải làm. Tháng 6 năm 1825, Phan Thanh Giản ra Huế để dự thi khoa Bính Tuất 1826. Trước khi đi, nghĩ tới cảnh cha già ở lại một mình vò võ, ông ngùi ngùi rơi nước mắt, rồi làm mười bài ngũ ngôn tứ tuyệt, trong đó có những câu:

稽首別嚴親，暗暗頻揮淚。*Khê thủ biệt nghiêm thân,/ Ám ám tần huy lệ* (Cúi đầu biệt cha già,/ Nhiều lần thầm gạt lệ) (bài 3)

家近不可見，涕淚霑裳衣。*Gia cận bất khả kiến,/ Thê lệ triêm thường y* (Nhà gần trông chẳng thấy,/ Nước mắt đầm xiêm y) (bài 10)

豈不慕榮達，其如歡養何。*Khởi bất mộ vinh đạt,/ Kỳ như hoan dưỡng hà* (Há không chuộng cảnh vinh hoa,/ Thân hôn hiếu dưỡng sao mà trọn đây?) (bài 9)

Phải từ già cha già, lòng ông đau như cắt, không ngăn được đôi dòng lệ. Nhưng phận làm trai chí hướng bốn phương, và nhận được lời nghiêm huấn của cha, ông nén lòng lên đường ứng thí. Ra đi, nhưng trong lòng không lúc nào quên đạo hiếu dưỡng, ông dặn dò hai người anh họ ở nhà cố gắng thay mình chăm sóc cha:

弟去莫復問，

井臼乃之職。

*Đệ khứ mạc phục vấn,*

*Tinh cửu nãi chi chức.*

(Em đi, không thể phụng thờ,/ Già gạo gánh nước phải nhờ hai anh.) (bài 7)

Ông có bài *Tư thân* 思親 (Nhớ mẹ). Theo nội dung, bài này được viết khi ông đã trưởng thành ra giúp nước. Chưa biết ông viết về ai, vì mẹ ông qua đời khi ông mới 7 tuổi, có thể là viết về mẹ kế hoặc một người quả phụ là bà Nguyễn Thị Ân ở Vĩnh Long, người nhận ông làm con nuôi và lo cho ông ăn học trong thời gian ông ở lại Vĩnh Long học với vị Đốc học họ Võ. Dù viết về ai thì tâm tình của ông vẫn thể hiện trọn vẹn là một người con chí hiếu:

膝下三年色養違，  
 孺懷無限憶慈闈。  
 斗間豈謂翻埋劍，  
 堂北難言不下機。  
 羽翼未生何處去，  
 門閭倚望幾辰歸。  
 我皇孝治多矜宥，  
 猶望晨昏尚有期。

*Tất hạ tam niên sắc dưỡng vi,  
 Nhu hoài vô hạn ức từ vi.  
 Đẩu gian khởi vị phiên mai kiếm,  
 Đường bắc nan ngôn bất há ki.  
 Vũ dực vị sinh hà xứ khứ,  
 Môn lư ỷ vọng kỉ thời quy.  
 Ngã hoàng hiếu trị đa cãng hựu,  
 Do vọng thần hôn thượng hữu kì.*

(Dưới gối ba năm nay đạo phụng dưỡng có phần trễ nải./ Lòng con trẻ không lúc nào người nhớ mẹ./ Giữa chòm sao đẩu không kể được bao lần chống kiếm./ Ở nhà phía Bắc e rằng mẹ chẳng lòng nào dặt vải./ Chưa đủ lông đủ cánh đã xa mẹ đi tận phương nào./ Mẹ tựa cửa chờ trông biết khi nào con quay trở lại./ Vua ta trị nước bằng chữ hiếu và nhân hậu với dân./ Nên vẫn mong có ngày được sớm hôm phụng dưỡng.)

Hoặc bài *Ngoại cô lỵ văn* 外姑誄文 (văn lỵ<sup>1</sup> viếng nhạc mẫu) bày tỏ tình cảm chân thật đối với nhạc mẫu trong giờ phút sinh li tử biệt:

歲在甲申，商音中譜。忽西灑之沉傷兮，悵隙駒之難駐。羌有懷而靡及兮，條一朝而千古。想外姑之慈懿兮，宜百壽而無期；胡化圈之倒顛兮，僅五旬而開五。家翁踽踽兮嘆化離，子女惻惻兮增孺慕。顧坦床之不才兮，慚識韋之猶負。感愛屋之餘情兮，怛涓埃之曷副。乃拈筆而掇詞兮，登遺徽於冊俯。詞曰：秋風吹兮梧葉零，仁者息兮烏何有。噫！往者兮不留，貊德音兮無咎。惟積善之有報兮，看兒孫之成就。仰眷命之申重兮，宜介福之單厚。

“Nay là năm Giáp Thân, vào giữa mùa thu. Khúc *Tây hạo*<sup>2</sup> buồn thương chừ, bóng bạch câu khôn ngăn nỗi. Ôi thương nhớ mà không theo kịp chừ, mới một hôm đã trở thành thiên cổ. Nhớ đến nhạc mẫu hiền lành nét hạnh chừ, lẽ ra trăm tuổi chẳng hạn kì. Sao vòng tạo hóa đảo điên chừ, mới được ngũ tuần đã đi mãi. Nhạc phụ vò võ chừ, than cảnh rẽ chia. Đàn con trợ trợ chừ, càng thêm luyện nhớ. Nghĩ lại thằng rề quá bất tài chừ, then ơn nường nhờ vẫn còn mang nặng<sup>3</sup>. Cảm lòng thương con thương rề chừ, hồ công ơn trả sao

cho xứng. Bèn cất bút viết thành lời chừ, ghi đức hạnh thuở sinh bình vào sách. Ghi rằng: Gió thu thổi chừ lá ngô đồng rụng. Người nhân đức chừ làm sao được gặp. Ôi! Người đã đi chừ khôn lưu lại. Lời nói và đức hạnh hoàn bị chừ không hề lầm lỗi<sup>4</sup>. Chỉ có tích thiện mới được thiện báo chừ, sẽ trông thấy cháu con đều thành tựu. Nhớ mãi sự yêu thương tin tưởng chừ, mong được trời ban phúc lớn<sup>5</sup>.”

Bài văn lụy không nói rõ người được tế là ai, chỉ biết đó là một trong ba nhạc mẫu của Phan Thanh Giản, nhưng có thể dựa vào niên đại để xác định. Phan Thanh Giản có ba bà vợ: Trước năm 1822, khi chưa làm quan, ông cưới bà Nguyễn Thị Mỹ tự Can, người làng Mỹ An (sau là Mỹ Lộc) huyện Phước Lộc tỉnh Gia Định, sinh một con gái, bà Mỹ và con gái đều mất sớm. Năm 1825, ông cưới bà Lê, người làng Long Hồ, bà này không có con nên sau đó bị xuất. Năm 1828, ông cưới bà Trần Thị Hoạch tự Cúc (1797-1862), người làng Đơn Duệ huyện Địa Linh tỉnh Quảng Trị, sinh 6 người con, trong đó có Phan Hương, Phan Liêm và Phan Tôn. Bài văn trên được viết năm Giáp Thân, tức năm 1824, trước khi Phan Thanh Giản cưới hai người vợ sau, nên có thể nhận định rằng nhạc mẫu này là mẹ của bà Nguyễn Thị Mỹ, người vợ đầu của ông.

Chẳng những tự thân hiếu thảo, Phan Thanh Giản còn dạy dân về chữ hiếu và cách báo đền công ơn cha mẹ. Trong thời gian làm Kinh lược ở Nam Kỳ, ông hay đi kinh lý các nơi để xem xét tình hình cùng cuộc sống của dân. Ông thường ngừng võng giữa đường để tiếp xúc với dân và giải quyết những thắc mắc cũng như oan ức của họ. Ông thường khuyên dân: “Không đạo nào trọng bằng thờ cha kính mẹ, không việc nào trọng bằng nợ nước ơn vua. Còn nhỏ phải gắng sức học hành, lớn lên phải chăm chỉ làm ăn, đền bồi công cha nghĩa mẹ, ích nước lợi nhà.”<sup>6</sup>

Qua đó cho thấy, nghĩa vụ trung hiếu của người làm trai luôn là tâm niệm của Phan Thanh Giản.

## 2.2. Tôn kính đối với ân sư

Theo *Trung dung*, trong thiên hạ có 5 giềng mối: vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè. Ngoài ra, thầy trò cũng là một giềng mối quan trọng trong xã hội khoa cử thời xưa.

Người thầy có vai trò rất quan trọng trong việc truyền đạt kiến thức, nghề nghiệp, dạy cách làm người. Cha mẹ sinh thành dưỡng dục ta mới có thân mình, đương nhiên phải tôn kính; nhờ thầy dạy dỗ ta mới có đủ nền tảng lập thân, nên cũng phải kính trọng thầy như cha mẹ. Một bậc “dân chi phụ mẫu” như Phan Thanh Giản càng phải trọn lòng tôn sư trọng đạo. Sách *Vĩnh Long nhơn vật chí* của Nguyễn Văn Dân còn chép giai thoại về Phan Thanh Giản với vị ân sư họ Võ: Năm 1862, Phan Thanh Giản vào Nam nhậm chức Kinh lược ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Khi đến Gia Định, ông ghé lại Gò Vấp thăm tôn sư họ Võ. Khi gần đến lều tranh của thầy, ông truyền xếp võng điều và lọng lại, xuống đi bộ vào bái thăm thầy. Lúc bái tạ ra đi, ông dâng cho tôn sư hai nén bạc để uống trà. Tôn

su đáp lại cho ông một chục trái bắp. Phan Thanh Giản tự mình xách bắp, không để lính hầu cầm, đi bộ một đỗi xa mới truyền sửa vồng lọng mà lên lại<sup>7</sup>.

Ân sư họ Võ có lẽ là vị Đốc học mà Phan Thanh Giản thọ học ở Vĩnh Long đã nói đến ở trên. Năm Phan Thanh Giản học là 1816, còn lúc này là năm 1862, sau 47 năm, có lẽ vị ân sư này đã chuyển chỗ ở lên Gò Vấp chăng? Hành động của Phan Thanh Giản cho thấy tấm lòng cung kính của ông đối với ân sư, dù làm quan lớn, ông vẫn giữ trọn đạo nghĩa thầy trò. Cũng như việc Phan Thanh Giản xin lập miếu thờ Võ Trường Toản (?-1792) vào năm 1855, và việc viết văn bia để khắc ở mộ Võ Trường Toản tại Bến Tre vào năm 1867<sup>8</sup>, dù Phan Thanh Giản không phải học trò của Võ tiên sinh, đó là do xuất phát từ tấm lòng cảm mến, trân trọng tài đức của “người thầy chung của trí thức Nam Kỳ”.

Phan Thanh Giản cũng có một vị thầy họ Phạm. Khi thầy mất, Phan Thanh Giản viết bài *Té Phạm tiên sinh văn* 祭范先生文 (Văn tế thầy họ Phạm) rất cảm động:

嗚呼！泰山其頽乎，梁木其壞乎，哲人其萎乎。造化之愍人也，一至於此之極乎。惟夫子之學問，信一代之儒。博學宏辭，浩如湖海江河之停蓄；雄文大筆，快如輕車駿馬之奔趨。昂昂獨立，則有如泰山巖巖之氣象；循循善誘，則有如春風時雨之霑濡。當其再徵而起也，方將大其所受，顧乃如是而便休。豈其芝以香而見褻，木以材而傷性，而採精茹華者，乃天地之讐。嗚呼！塵埃幻境，何有何無；窮通一夢，何榮何枯。惟夫子之生，既有根脚，當不與草壤俱腐，而斯名之不可沒，想長在於鳳城之北，東海之隅。夫子之此去也，聞者無不流涕，況乎某三世之所從遊。夫子固有誨於某也，某曷敢忽於斯須。某不幸而不出也，願相從為地下之遊。苟幸而得出也，誓當有日而云酬。嗚呼！言有窮而情不可終，師生之情又焉知其終極也夫！

“Than ôi! Thái Sơn đã đổ rồi, rường cột đã xiêu rồi, triết nhân đã mất rồi. Tạo hoá ghét hại con người cùng cực đến thế ru? Kính nhớ: Học vấn của Phu tử người đời đều tôn là bậc đại Nho. Uyên bác kiến văn, như biển sông tích chứa vô hạn; Tài năng thi phú, như ngựa xe giông chạy khôn dò. Đức sáng cao vời vọi, như núi Thái non Nam đáng đứng chọc trời; Lời dạy khéo rành rành<sup>9</sup>, như mưa hạn gió xuân ơn nhuần muôn nẻo. Đương lúc được vời ra một lần nữa phò tá triều đình, sẽ nhận lấy nhiệm vụ lớn lao, lại thân nhiên như vậy mà đến chốn tiên du. Há là: Cỏ chi vì thơm mà bị ghét, cây gỗ vì tốt mà bị cưa, những người thấu tinh hoa lại bị trời đất hiềm thù. Than ôi! Thế gian mộng huyễn, ai có ai không; Cùng thông một giấc, ai vinh ai hèn. Thanh danh Phu tử chẳng bao giờ mất, tưởng còn mãi ở bắc Phụng Thành, ở doanh Đông Hải; Cuộc đời Phu tử không hủ nát như cỏ cây bùn đất, vì có công huân đức độ bền sâu. Nghe tin Phu tử mãi đi chuyến này, không ai tìm được nước mắt, hưởng chi mồ đã có thời gian dài vui học theo Phu tử. Lời dạy của Phu tử, mồ nào dám lãng quên dù trong phút chốc. Nếu mồ không được ra giúp đời, nguyện sẽ

cùng Phu tử dạo chơi âm cảnh; Nếu may mắn được ra giúp đời, thề có một ngày đền đáp công ơn. Than ôi! Lời có hạn mà ý tình khôn cạn, biết sao nói hết nghĩa thầy trò!”

Chưa xác định được chính xác Phạm tiên sinh là ai, nhưng theo phỏng đoán cá nhân thì có lẽ là Phạm Đăng Hưng (1765-1825), ông ngoại vua Tự Đức. Ít nhất có hai chi tiết phù hợp với thực tế lịch sử liên quan đến nhân vật này: (1). Trong bài văn tế có câu: “Đương lúc được vời ra một lần nữa [...] lại thản nhiên như vậy mà đến chốn tiên du”. Đầu niên hiệu Thiệu Trị, Phạm Đăng Hưng đang làm việc ở bộ Lễ với chức Thượng thư. Vì mắc sai phạm, ông bị ngưng chức. Năm 1824, Phạm Đăng Hưng được phục chức Thượng thư bộ Lễ, nhưng sang năm 1825 ông qua đời. Như vậy Phạm Đăng Hưng được phục chức chỉ trong vòng một năm thì mất; (2). Trong bài có câu: “Nghe tin Phu tử mãi đi chuyến này [...] thề có một ngày đền đáp công ơn”. Câu này cho thấy Phạm tiên sinh qua đời khi Phan Thanh Giản chưa ra làm quan. Phạm Đăng Hưng mất năm 1825, còn Phan Thanh Giản đến sau khi đỗ Tiến sĩ năm 1826 mới bắt đầu gia nhập quan trường.

Sau này, chính Phan Thanh Giản, cùng Trương Khắc Dụng, được lệnh vua Tự Đức soạn văn bia cho mộ Phạm Đăng Hưng vào năm 1860<sup>10</sup>.

### 2.3. *Chân thành đối với bằng hữu*

Bên cạnh tấm lòng trung hiếu, tính cách Phan Thanh Giản còn được thể hiện qua tình cảm chân thành sâu sắc dành cho bạn bè. Khi bạn thân của ông là Lê Bích Ngô qua đời, ông sáng tác tập *Toái cảm* 碎琴 (Đàn vỡ) để tỏ lòng thương tiếc khôn nguôi và ngụ ý tình bạn sẽ không bao giờ phai nhạt. Lê Bích Ngô là người bạn thân từ thuở thiếu thời của Phan Thanh Giản, là người có tài đức, nhưng tìm chốn vắng vẻ ẩn thân, không để lộ tung tích. Khi Phan Thanh Giản ra kinh nhậm chức, Lê Bích Ngô tiễn bạn có tặng mười bài thơ liên hoàn tứ tuyệt, viết trên lụa đặt tên là *Dương liễu từ* 楊柳詞. Đi đến đâu Phan Thanh Giản cũng mang theo và luôn luôn treo ở chỗ trang trọng nhất trong thư trai.

Nghe kể rằng, một hôm Phan Thanh Giản đi ngang nhà người bạn cũ tên là Phan Dĩ Thử. Ông Thử đang đi cày, Phan Thanh Giản ở chờ đến tối. Hai người gặp nhau mừng rỡ. Ông Thử mời bạn một bữa cơm chỉ có rau luộc chấm mắm kho và xin lỗi vì nghèo. Phan Thanh Giản cười nói: “Phẩm tước là để châu chực nơi triều đình, lẽ nào dùng phẩm tước với thân bằng cố hữu. Ông là bạn cũ của tôi, dẫu nghèo, chời tranh vách lá, nhưng tình nghĩa chúng ta làm sao nghèo đặng.” Nghe lời nói ấy, ông Thử rất lấy làm cảm phục<sup>11</sup>.

Đối với bạn đồng niên là Ngụy Khắc Tuần (1799-1854), Phan Thanh Giản cũng giữ một tình bạn thủy chung như thế. Ngụy Khắc Tuần, hiệu Thiện Phủ, người xã Xuân Viên (nay là thôn Xuân Viên, xã Xuân Viên), huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ngụy Khắc Tuần đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Bính Tuất 1826, cùng khoa với Phan Thanh Giản. Năm Thiệu Trị thứ 4 (1844), Ngụy Khắc Tuần được cử giữ chức Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên (Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang). Những tác phẩm Phan Thanh Giản viết về/ gửi người bạn họ Ngụy, gồm cả thơ và văn, được viết trong nhiều bối cảnh, thời

điểm khác nhau, với nhiều nội dung tư tưởng khác nhau: tiễn bạn lên đường đi nhậm chức, sau khi gặp lại bạn trong giấc mộng, hồi âm thư hỏi thăm của bạn, được tương phùng trong khoảnh khắc sau thời gian dài xa cách, hoặc bối cảnh đơn giản hơn là làm thơ vì cảm thấy nhớ bạn sau một thời gian dài không gặp mặt... Dưới đây là hai bài thơ tiêu biểu viết về Ngụy Khắc Tuân:

**Bài 1.** 秋夢魏善甫

*Thu mộng Ngụy Thiện Phủ*

(Mùa thu mộng gặp Ngụy Thiện Phủ)

秋風吹遠山，

憶友晝昏閒。

惜別三年久，

歡迎一夢間。

未應愁思重，

惟是會時難。

即欲通音問，

征人去未還。

*Thu phong xuy viễn san,*

*Úc hữu trú hôn nhàn.*

*Tích biệt tam niên cửu,*

*Hoan nghinh nhất mộng gian.*

*Vị ưng sầu tứ trọng,*

*Duy thị hội thời nan.*

*Tức dục thông âm vấn,*

*Chinh nhân khứ vị hoàn.*

(Gió thu thổi đến ngọn núi xa,/ Nhớ bạn suốt cả sáng chiều, chẳng thể làm việc./ Tiếc buổi biệt ly đã ba năm đằng đẵng,/ Gặp nhau vui vẻ chỉ trong một giấc mộng thôi./ Không hẳn là do nỗi buồn trĩu nặng,/ Mà vì biết rằng khó có cơ hội được tương phùng./ Muốn gửi ngay lời thư thăm hỏi,/ Sao người xa đi mãi chưa về?)

**Bài 2.** 復年兄布正魏善甫，其二

*Phục niên huynh Bố chánh Ngụy Thiện Phủ, kì nhị*

(Đáp bạn đồng niên Bố chánh Ngụy Thiện Phủ, bài 2):

欲假春風達所思，

風行渭水恐差遲。

直將心越青山外，

左右君邊君未知。

*Dục giả xuân phong đạt sở tư,  
Phong hành Vị Thủy khùng sai trì.  
Trực tương tâm việt thanh sơn ngoại,  
Tả hữu quân biên, quân vị tri.*

(Muốn nhờ gió xuân bày tỏ nỗi niềm,/ E rằng gió bay qua Vị Thủy đến với người không kịp lúc./ Liền phóng tâm hồn vượt ra khỏi rặng núi xanh,/ Đã ở ngay bên cạnh người, người nào có hay.)

Xa nhau đã ba năm, chỉ được tương phùng ngắn ngủi trong mộng. Ấy là vì quá nhớ trông mà sinh ra cuộc tương phùng trong giấc mộng. Nỗi buồn không chỉ vì nhớ trông mà không gặp, mà vì biết rõ rằng cơ hội gặp nhau như mò kim đáy bể. Chỉ còn biết dùng tình thần để hội ngộ bên người. Đây là hai trong số khá nhiều tác phẩm thể hiện tình cảm sâu đậm của Phan Thanh Giản dành cho Nguyễn Khắc Tuần, cho thấy tình bạn chân thành thì không có khoảng cách địa lí nào có thể làm ngăn trở.

#### **2.4. Giàu tình thương đối với người nghèo khổ, hoạn nạn**

Một trong những đức tính nổi bật của Phan Thanh Giản là giàu lòng nhân ái, nhất là đối với người nghèo, người lâm cơn hoạn nạn.

Có một người trẻ tuổi cơ nhỡ, bệnh tật được ông cho ở nhờ và chăm sóc thuốc thang, nhưng bệnh quá nặng, qua mười tám ngày thì chết. Phan Thanh Giản đưa đi an táng và viết bài văn khóc khi chôn. Bài văn này thật sự là lời xót thương tận đáy lòng của ông dành cho một thân phận bần cùng trong xã hội. Trong *Ét lǐ đòng văn* 瘞旅童文 (Văn khóc chôn người trẻ tuổi lưu lạc), ông đã bộc bạch về việc cứu giúp của mình:

汝之始終,故不可悉,而汝之病患,實則可憐。惻隱之心,人皆有之。余之於汝,所謂惻隱之心者也,他焉所問哉。

(Tuy trước sau không biết rõ về người, nhưng bệnh tình của người thì thật đáng thương xót. Đã là con người, ai không có lòng trắc ẩn! Ta giúp người cũng chính vì lòng trắc ẩn, vậy thì những việc khác đâu cần hỏi làm gì!)

Thiếu niên lưu lạc không phải là người thân thích hay kẻ tay chân, cũng chẳng có bất kì một mối quan hệ nào, thậm chí không hề biết rõ gốc gác, nhưng Phan Thanh Giản vẫn tận tình giúp đỡ. Bởi vì hoàn cảnh bệnh tật đáng thương trước mắt, vì lòng trắc ẩn của một người với đồng loại, vì hạnh phúc của tha nhân, và quan trọng hơn hết là vì hạnh phúc của người cũng là sở nguyện của chính mình:

蓋棄汝則必速汝一日之死,於心何忍! 之九死矣<sup>12</sup>,余盡心焉,而或一生之理,此則汝之福,正余之願也。



(Vì biết rằng, nếu bỏ mặc người một ngày là người chết sớm một ngày. Lòng ta sao nổi! Nếu giành được một phần sống trong chín phần chết, đó là phúc của người, mà cũng là số mệnh của ta.)

Phan Thanh Giản không cứu sống được thiếu niên lưu lạc thì tự dẫn vật, cho mình là người đức mỏng, vì thế mà bài văn khóc cũng là lời tự trách.

Đặc biệt, Phan Thanh Giản còn tự giả thác lời của một người phụ nữ bị chồng bỏ để nói lên thân phận người phụ nữ thời xưa qua bài *Khí phụ ngâm* 棄婦吟 (khúc ngâm của người vợ bị chồng bỏ):

君謂妾不潔，一朝與妾別。懷君不敢言，臨風長嗚咽。憶妾生長白玉樓，少辰常從班徐遊。二八于歸奉巾櫛，日月居諸閱幾秋。樂莫樂兮新相知，悲莫悲兮生別離。妾也何以至於此，天乎父乎孰之為。已矣命也合如此，離合合離從古是。靜言思之何怨尤，百年永矢思君耳。（得風人之旨）

(Chàng bảo rằng thiếp không trong sạch,/ Một ngày kia bỏ thiếp ra đi./ Lòng nhớ chàng miệng không dám thốt,/ Chỉ biết thở than trước gió gửi lời./ Nhớ rằng: Thiếp sinh trưởng trong lầu ngọc bích,/ Thuở thiếu thời từng kết bạn với Ban Từ./ Mười sáu tuổi lấy chồng, theo chồng nâng khăn sửa túi,/ Ngày tháng trôi qua đã được mấy thu./ Vui chi bằng ngày ta mới gặp gỡ,/ Buồn chi bằng ngày ta mỗi đưa một lối đi./ Thiếp tội tình gì phải chịu cảnh đau thương như thế./ Ai gây nên nỗi? Trời hỡi! Cha ơi!/ Ôi thôi số mệnh đã an bày như thế./ Hợp tan, tan hợp vốn là chuyện thường xưa nay./ Tự mình nghĩ vậy, đâu còn gì oán thán,/ Trăm năm lòng nguyện vẫn nhớ thương người. (Được sự khuyên giải của nhà thơ))

Người phụ nữ này vốn là một cô gái tài giỏi, sinh ra trong gia đình giàu có. Lấy chồng từ năm mười sáu tuổi, ở với nhau chỉ được vài năm thì bị chồng phụ bạc. Nhớ chồng mà không dám nói, chỉ biết mượn lời thơ than thở với chính mình. Lời thơ than như thốt ra từ tâm hồn đang rướm máu, cho thấy tác giả thấu hiểu và hết sức cảm thương thân phận những người vợ bị chồng phụ rẫy nói riêng và người phụ nữ trong xã hội phong kiến nói chung. Cao hơn thế, tác giả tự tỏ lời khuyên giải người phụ nữ ấy, chấp nhận chuyện hợp tan, tan hợp là số mệnh đã an bày, tuy vẫn giữ lòng thủy chung nhưng không vì con người bội bạc mà đau buồn oán thán. Từ đó cũng cho thấy tác giả ca ngợi lòng chung thủy và không đồng tình với hành vi của những ông chồng bội bạc.

Trong văn chương đã thế, trong thực tế thường ngày Phan Thanh Giản cũng nổi tiếng là vị phụ mẫu thương yêu dân nghèo. Tại làng Bảo Thạnh (Ba Tri) có người nông dân rất nghèo tên Hưng. Một hôm, Phan Thanh Giản hỏi người này về tình hình công việc và cuộc sống, người này kể mình nuôi trâu và trồng thuốc, hôm nọ đôi trâu lội xuống phá giếng của một người tên Đước, bị bà lớn xử phải bồi thường đám thuốc cho tên Đước nên phải bán thuốc để đền giếng. Ông Phan nghe xong nói: “Trâu phá giếng thì vét giếng, sao lại thường

thuốc?”. Nói rồi sang bảo bà lớn trả lại cho tên Hưng hai trăm quan tiền đã mất do bà xử sai<sup>13</sup>.

Vụ xử ấy không chỉ nói lên lòng thương dân của Phan Thanh Giản mà còn cho thấy rõ đức tính công bằng của ông. Những đức tính này **không** chỉ được dân gian ca ngợi mà ngay cả vua Tự Đức cũng tỏ tường. Thấy Phan Thanh Giản nhân hậu và thanh liêm, lại thường hay lấy lương bổng của mình giúp người nghèo khổ, nhà vua thường tăng bổng lộc cho ông.

### 3. Kết luận

Phan Thanh Giản là một nhân vật lịch sử có hành trạng phức tạp, sự nhìn nhận, đánh giá về ông cũng không phải dễ dàng, càng khó đạt được sự đánh giá thống nhất. Theo chúng tôi, khi đánh giá một con người lịch sử, phải căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử khách quan mới có thể có được sự nhìn nhận xác đáng. Riêng về đạo đức, nhân cách của Phan Thanh Giản trong đời sống thường ngày thì trước sau không hề thay đổi.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuyển tập thơ văn Hán Nôm của Phan Thanh Giản: 約夫先生詩集 *Ước Phu tiên sinh thi tập*; 梁溪詩草 *Lương Khê thi thảo*.
2. Trần Thanh Đạm, Phạm Thị Hào (dịch). (2007). *Văn tâm điều long*. TPHCM: NXB. Văn Học - Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
3. Phan Mạnh Hùng. (2016). “Một giai thoại về cụ Phan Thanh Giản”. *Xưa và Nay*, số 473, tháng 7.
4. Nguyễn Duy Oanh. (1974). *Chân dung Phan Thanh Giản*. Tủ sách sử học Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên. Sài Gòn: Việt Hương ấn quán.
5. Tạ Quang Phát (dịch). (1969). *Thi kinh tập truyện*, 3 tập. Trung tâm học liệu Bộ Giáo dục xuất bản. Sài Gòn: Nhà in Tấn Phát.

<sup>1</sup> Văn lụy: Xét về nguồn gốc, thời cổ đại, lụy được hiểu là lũy 累, nghĩa là thêm, tích góp. Văn tâm điêu long - “Lụy bì” giải thích như sau: 大夫之材，臨喪能誄。誄者，累也。累其行，旌其不朽也 “Hàng đại phu có tài, khi tống táng có bài lụy [để diếu]. Lụy là tích lũy, tức là nhắc lại toàn bộ đức hạnh của người ấy để biểu dương khiến mọi người luôn nhớ.”

<sup>2</sup> Tây hạo: 西顯 hoặc 西灑, khúc hát tế Giao đời Hán, cũng dùng đàn hát khi bước vào mùa thu.

<sup>3</sup> Nương nhờ: Nguyên văn “thức vi”, vốn viết 式微, tên bài thơ trong thiên “Bội phong” Kinh Thi, nói việc Lê hầu mất nước sang ở nhờ nước Vệ, bề tôi khuyên nên trở về dừng ở nhờ nước người mà mang nhục.

<sup>4</sup> Đức hạnh hoàn bị: Nguyên văn “mạch đức âm”: Thi-Đại nhã-Hoàng hi: “Mạch kì đức âm, kì đức khác minh”, nghĩa là [Trời] khiến cho [Văn vương] lời nói và đức hạnh trầm lặng, có thể xem xét được việc phải trái.

<sup>5</sup> Phước lớn: Nguyên văn “đơn hậu”, nghĩa là rất dày, rất lớn. Thi-Tiểu nhã-Thiên bảo “Tý nhĩ đơn hậu, hà phúc bất trừ”, nghĩa là [Trời] khiến nhà vua hết lòng đôn hậu, thì phúc này hết lại sinh ra phúc khác”.

<sup>6</sup> Theo Nguyễn Duy Oanh, *Chân dung Phan Thanh Giản*, Tủ sách sử học Bộ Văn hoá Giáo dục và Thanh niên, 1974, tr.109.

<sup>7</sup> Dẫn lại theo Phan Mạnh Hùng, “Một giai thoại về cụ Phan Thanh Giản”, *Xưa và Nay*, số 473, tháng 7/2016, tr.66.

<sup>8</sup> Văn bia soạn xong, nhưng lúc ấy tình hình trong nước rất lộn xộn nên bia chưa được khắc, mãi đến năm 1872 mới khắc được vào bia.

<sup>9</sup> Lời dạy khéo rành rành: Nguyên văn “tuần tuần thiện dụ”, nghĩa là khéo dạy bảo dần theo thứ tự để mà tiến bộ.

<sup>10</sup> Bia này được chở từ Huế vào Nam bằng đường thủy, trên đường đi bị quân Pháp chặn lấy và khắc lên bia hàng chữ Pháp tưởng niệm Đại úy thủy quân lục chiến Barbé bị quân ta phục kích giết chết ngày 07/12/1860.

<sup>11</sup> Theo Nguyễn Duy Oanh, *Sđd.*, tr.110.

<sup>12</sup> Câu này mất mấy chữ đầu, phía sau chúng tôi tạm dịch.

<sup>13</sup> Theo Nguyễn Duy Oanh, *sđd.*, tr.110-111.